

Phụ lục I
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CÔNG CHỨC LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ
TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH Ở BỘ, Ở CẤP TỈNH

(Kèm theo Nghị định số 361/2025/NĐ-CP
ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ)

TT		Tên vị trí việc làm	Ngành, lĩnh vực có VTVL đặc thù
A		Vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý	
I		VTVL lãnh đạo, quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ	
1	1	Thủ trưởng và tương đương	
2	2	Cục trưởng Cục loại 1 và tương đương (thuộc bộ, cơ quan ngang bộ)	
3	3	Cục trưởng Cục loại 2 và tương đương (thuộc bộ, cơ quan ngang bộ)	
4	4	Vụ trưởng (thuộc bộ, cơ quan ngang bộ)	
5	5	Chánh Văn phòng (thuộc bộ, cơ quan ngang bộ)	
6	6	Chánh Thanh tra (thuộc bộ, cơ quan ngang bộ)	
7	7	Phó Cục trưởng loại 1 và tương đương (thuộc bộ, cơ quan ngang bộ)	
8	8	Phó Cục trưởng loại 2 và tương đương (thuộc bộ, cơ quan ngang bộ)	
9	9	Phó Vụ trưởng (thuộc bộ, cơ quan ngang bộ)	
10	10	Phó Chánh Văn phòng (thuộc bộ, cơ quan ngang bộ)	
11	11	Phó Chánh Thanh tra (thuộc bộ, cơ quan ngang bộ)	
12	12	Trưởng ban và tương đương (thuộc Cục loại 1 thuộc bộ, cơ quan ngang bộ)	
13	13	Trưởng phòng và tương đương (thuộc Vụ, Văn phòng, Thanh tra, Cục loại 2 thuộc bộ, cơ quan ngang bộ)	
14	14	Phó Trưởng ban và tương đương (thuộc Cục loại 1 thuộc bộ, cơ quan ngang bộ)	
15	15	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc Vụ, Văn phòng, Thanh tra, Cục loại 2 thuộc bộ, cơ quan ngang bộ)	
16	16	Trưởng cơ quan khu vực, cơ quan tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (thuộc Cục loại 1 và tương đương thuộc bộ, cơ quan ngang bộ)	
17	17	Phó Trưởng cơ quan khu vực, cơ quan tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (thuộc Cục loại 1 và tương đương thuộc bộ, cơ quan ngang bộ)	

TT		Tên vị trí việc làm	Ngành, lĩnh vực có VTVL đặc thù
18	18	Chi Cục trưởng và tương đương (thuộc Cục loại 1, Cục loại 2 thuộc bộ, cơ quan ngang bộ)	
19	19	Phó Chi Cục trưởng và tương đương (thuộc Cục loại 1, Cục loại 2 thuộc bộ, cơ quan ngang bộ)	
20	20	Trưởng phòng và tương đương (thuộc Chi cục và tương đương thuộc Cục loại 1, Cục loại 2 thuộc bộ, cơ quan ngang bộ)	
21	21	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc Chi cục và tương đương thuộc Cục loại 1, Cục loại 2 thuộc bộ, cơ quan ngang bộ)	
22	22	Đội trưởng và tương đương (thuộc Chi cục thuộc Cục loại 1 thuộc bộ, cơ quan ngang bộ)	
23	23	Phó Đội trưởng và tương đương (thuộc Chi cục thuộc Cục loại 1 thuộc bộ, cơ quan ngang bộ)	
24	24	Hạt trưởng và tương đương (thuộc Cục thuộc bộ)	
25	25	Phó Hạt trưởng và tương đương (thuộc Cục thuộc bộ)	
26	26	Trạm trưởng và tương đương (thuộc Hạt thuộc Cục thuộc bộ)	
27	27	Phó Trạm trưởng và tương đương (thuộc Hạt thuộc Cục thuộc bộ)	
VTVL lãnh đạo, quản lý đặc thù thuộc ngành, lĩnh vực			
28	28	Tổ trưởng Tổ tư vấn kinh tế của Thủ tướng	Lĩnh vực tham mưu, quản lý tổng hợp chuyên ngành về kinh tế
29	29	Phó Trưởng ban chuyên trách Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp	Lĩnh vực tham mưu, quản lý tổng hợp chuyên ngành về doanh nghiệp
30	30	Ủy viên chuyên trách Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp	
31	31	Tổng Thư ký Hội đồng Quốc gia về phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh	Lĩnh vực tham mưu, quản lý tổng hợp chuyên ngành về phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh
32	32	Ủy viên Thư ký Hội đồng Quốc gia giáo dục và phát triển nhân lực	Lĩnh vực tham mưu, quản lý tổng hợp chuyên ngành về giáo dục
33	33	Tổng Thư ký Hội đồng Quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Lĩnh vực tham mưu, quản lý tổng hợp chuyên ngành về khoa học và công nghệ

TT		Tên vị trí việc làm	Ngành, lĩnh vực có VTVL đặc thù
34	34	Đại sứ đặc mệnh toàn quyền	Lĩnh vực ngoại giao
35	35	Đại sứ	
36	36	Tổng Lãnh sự	
37	37	Trợ lý Bộ trưởng Bộ Ngoại giao	
38	38	Phó Chủ tịch chuyên trách của Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia	Lĩnh vực giao thông vận tải
39	39	Giám đốc Cảng vụ (hàng không, hàng hải, đường thủy nội địa)	
40	40	Phó Giám đốc Cảng vụ (hàng không, hàng hải, đường thủy nội địa)	
41	41	Trưởng Đại diện Cảng vụ (hàng không, hàng hải, đường thủy nội địa)	
42	42	Phó Trưởng Đại diện Cảng vụ (hàng không, hàng hải, đường thủy nội địa)	
43	43	Trưởng phòng tại Cảng vụ (hàng không, hàng hải, đường thủy nội địa)	
44	44	Phó Trưởng phòng tại Cảng vụ (hàng không, hàng hải, đường thủy nội địa)	
45	45	Giám đốc Sở giao dịch	Lĩnh vực Ngân hàng Nhà nước
46	46	Phó Giám đốc Sở giao dịch	
47	47	Giám đốc chi nhánh	
48	48	Phó Giám đốc chi nhánh	
49	49	Trưởng phòng và tương đương thuộc chi nhánh	
50	50	Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc chi nhánh	
51	51	Trưởng ban Tiếp công dân (thuộc Thanh tra Chính phủ)	Lĩnh vực thanh tra
52	52	Phó Trưởng ban Tiếp công dân (thuộc Thanh tra Chính phủ)	
53	53	Chánh Thanh tra thuộc Cục và tương đương	Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Thanh tra Ngân hàng Nhà nước khu vực; Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, cơ quan thanh tra được thành lập theo Điều ước quốc tế và các cơ quan khác theo quy định của pháp luật về thanh tra
54	54	Phó Chánh thanh tra thuộc Cục và tương đương	
55	55	Trưởng phòng thuộc Thanh tra Cục và tương đương	
56	56	Phó Trưởng phòng thuộc Thanh tra Cục và tương đương	
II		VTVL lãnh đạo, quản lý ở cấp tỉnh	
57	1	Chánh Văn phòng UBND cấp tỉnh	
58	2	Chánh Thanh tra cấp tỉnh	

TT		Tên vị trí việc làm	Ngành, lĩnh vực có VTVL đặc thù
59	3	Giám đốc Sở và tương đương	
60	4	Trưởng ban Ban Quản lý (BQL Khu kinh tế; BQL Khu chế xuất và công nghiệp thành phố và khu công nghệ cao thành phố; BQL các khu chế xuất và công nghiệp; BQL Khu công nghệ cao)	
61	5	Phó Chánh Văn phòng UBND cấp tỉnh	
62	6	Phó Chánh Thanh tra cấp tỉnh	
63	7	Phó Giám đốc Sở và tương đương	
64	8	Phó Trưởng ban Ban Quản lý (BQL khu kinh tế; BQL Khu chế xuất và công nghiệp thành phố và khu công nghệ cao thành phố; BQL các khu chế xuất và công nghiệp; BQL Khu công nghệ cao)	
65	9	Chi Cục trưởng và tương đương thuộc Sở	
66	10	Phó Chi cục trưởng và tương đương thuộc Sở	
67	11	Chánh Văn phòng (thuộc BQL; Thanh tra tỉnh, thành phố; sở và tương đương)	
68	12	Trưởng phòng và tương đương (thuộc BQL; Thanh tra tỉnh, thành phố; sở và tương đương)	
69	13	Trưởng đại diện và tương đương (thuộc BQL Khu Kinh tế; BQL Khu chế xuất và công nghiệp thành phố và khu công nghệ cao thành phố; BQL các khu chế xuất và công nghiệp; BQL Khu công nghệ cao)	
70	14	Phó Chánh Văn phòng (thuộc BQL; Thanh tra tỉnh, thành phố; sở và tương đương)	
71	15	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc BQL; Thanh tra tỉnh, thành phố; sở và tương đương)	
72	16	Phó Trưởng đại diện và tương đương (thuộc BQL Khu kinh tế; BQL Khu chế xuất và công nghiệp thành phố và khu công nghệ cao thành phố; BQL các khu chế xuất và công nghiệp; BQL Khu công nghệ cao)	
73	17	Trưởng phòng và tương đương (thuộc Chi cục, Ban thuộc sở)	
74	18	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc Chi cục, Ban thuộc sở)	
75	19	Đội trưởng (thuộc Chi cục thuộc sở)	
76	20	Phó Đội trưởng (thuộc Chi cục thuộc sở)	
77	21	Hạt trưởng (thuộc Chi cục thuộc sở)	
78	22	Phó Hạt trưởng (thuộc Chi cục thuộc sở)	
79	23	Trưởng ban Tiếp công dân	
80	24	Phó Trưởng ban Tiếp công dân	

TT		Tên vị trí việc làm	Ngành, lĩnh vực có VTVL đặc thù
81	25	Chánh Văn phòng Ban An toàn giao thông	
82	26	Phó Chánh Văn phòng Ban An toàn giao thông	
83	27	Giám đốc Cảng vụ	
84	28	Phó Giám đốc Cảng vụ	
Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý đặc thù thuộc ngành, lĩnh vực			
85	29	Trạm trưởng và tương đương (thuộc Chi cục thuộc Cục thuộc bộ hoặc Chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường)	Lĩnh vực nông nghiệp và môi trường
86	30	Phó Trạm trưởng và tương đương (thuộc Chi cục thuộc Cục thuộc bộ hoặc Chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường)	Lĩnh vực nông nghiệp và môi trường
B		Vị trí việc làm chức danh trợ lý, thư ký	
87	1	Trợ lý	Thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền về chức danh được sử dụng Trợ lý, Thư ký
88	2	Thư ký	
89	3	Thư ký Ban Chỉ đạo	